TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 562/2022/HC-PT
Ngày 26-7-2022
V/v: "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN D1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu.

Ông Lê Thành Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị T1 Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLPT-HC ngày 08/4/2022 về việc: "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 84/2021/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 981/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Thành Cang, sinh năm 1987 (có mặt).

Ông T, bà L và ông Cang cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Luật sư Trần Đức D (có mặt).

2. Luật sư Trần Thành D1 (có mặt).

Văn phòng Luật sư Trần Đức D, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Vũ T2; Chức vụ: Chuyên viên Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Ngọc T1; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đức H, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2020- vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Văn C2; Chức vụ: Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức H, tỉnh Long An (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Ngọc T1; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đức H, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2020- vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Văn C2; Chức vụ: Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức H, tỉnh Long An (có mặt).

2. Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 1, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Ngô Văn T và bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Ngô Văn T, bà Lê Thị L và người đại diện hợp pháp trình bày:

Ông T được cha mẹ cho 03ha đất tại ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức H, tỉnh Long An. Năm 1989, UBND xã Mỹ Thạnh Tây và UBND huyện Đức H mượn 03ha đất của gia đình ông, với thời hạn là 15 năm và sẽ giao trả lại đất vào năm 2004. Năm 2008, gia đình ông T làm đơn đòi lại đất nhưng không được giải quyết. Ngày 10/8/2018, Chủ tịch UBND huyện Đức H có văn bản số 932/UBND-TNMT (Văn bản số 932/UBND-TNMT) về việc không chấp nhận đơn đòi lại đất thì ông T mới biết phần đất này đã được UBND tỉnh Long An giao cho Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa (Công ty Mía đường Hiệp Hòa) nhưng hiện nay ông T, bà L vẫn đang canh tác, sản xuất lúa. Ông T đã làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện Đức H giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 (Quyết định số 2064/QĐ-UBND), nội dung bác đơn khiếu nại của ông T. Ông T tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh Long An giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 (Quyết định số 124/QĐ-UBND), nội dung bác đơn

khiếu nại của ông T và giữ nguyên Quyết định 2064/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đức H.

Vì vậy, ông T, bà Lg khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 932/UBND-TNMT, Quyết định số 2064/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đức H và Quyết định số 124/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

Người bị kiện trình bày:

Chủ tịch UBND huyện Đức H trình bày:

Ngày 06/8/1991, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 720/UB.QĐ.91 tạm giao Ban quản lý công trình thủy nông huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi) khu đất 310ha, thời hạn mượn là 15 năm. Ngày 27/9/1993, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 1583/QĐ-UB thu hồi 02 khu đất tổng diện tích 413ha, trong đó có phần đất diện tích 310ha của BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi.

Ngày 17/5/2001, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UBND về việc cho Công ty Mía đường Hiệp Hòa thuê quyền sử dụng đất diện tích 3.105.417m^2, thời hạn cho thuê 15 năm, từ năm 2001 đến năm 2016 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) số 57/QSDĐ/0605-LA cho Công ty. Ngay khi được giao đất, Công ty Mía đường Hiệp Hòa đã tiến hành đầu tư hệ thống kênh, phân lô, lên liếp, trồng mía.

Ngày 30/12/2009, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 3583/QĐ-UBND thu hồi đất Công ty Mía đường Hiệp Hòa giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phố Đông (Công ty Phố Đông) đầu tư xây dựng nghĩa trang công viên, diện tích 170.008m^2. Phần còn lại 2.935.409m^2 được giao cho UBND huyện Đức H quản lý như sau: Diện tích 49.974m^2 để sử dụng xây dựng nghĩa trang nhân dân (Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 23/3/2012) và diện tích 176.003m^2 để tạo quỹ đất công, sử dụng vào mục đích bồi thường và bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ mục đích công cộng (Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 23/3/2012). Tại Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 và Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc điều chỉnh Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Long An, có nội dung: Thu hồi đất của Công ty Mía đường Hiệp Hòa giao UBND huyện Đức H quản lý diện tích 2.169.432m^2.

Năm 2010, ông T cùng một số hộ dân đến cất chòi và canh tác trên đất của Công ty Mía đường Hiệp Hòa. Ngày 02/3/2010, UBND xã Mỹ Thạnh Tây mời các hộ dân, trong đó có hộ ông T làm việc và yêu cầu tháo dỡ chòi nhưng ông T không đồng ý. Ngày 08/4/2010, UBND xã Mỹ Thạnh Tây làm việc với ông T yêu cầu đến hết ngày 13/4/2010 phải dỡ chòi và không sử dụng trên phần đất thuộc khu C. Hiện nay, ông T, bà L chiếm phần đất khoảng 03ha, thuộc 01 phần thửa 961 (C13), tờ bản đồ số 8, đã được UBND tỉnh Long An giao cho UBND huyện Đức H quản lý.

Ông T làm đơn đòi lại đất với lý do Nhà nước mượn đất của gia đình ông nhưng không cung cấp được giấy tờ cho mượn và các giấy tờ theo quy định của

Luật Đất đai. Do đó, Văn bản số 932/UBND-TNMT, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2064/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đức H bác đơn của ông T là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T, bà L.

Chủ tịch UBND tỉnh Long An trình bày:

Việc khiếu nại của ông T đã được Chủ tịch UBND tỉnh Long An thụ lý. Ông T cung cấp xác nhận của một số người như ông Phan Văn Phỉ, Bành Thông Sánh, Trần Văn Dốn, Trà Văn Thé xác định nguồn gốc đất của cha mẹ ông T cho ông T và có vận động gia đình ông cho mượn đất thời hạn 15 năm. Tuy nhiên, qua xác minh thì các cán bộ nguyên là lãnh đạo huyện ủy Đức H, UBND huyện Đức H và UBND xã Mỹ Thạnh Tây cho biết: Năm 1991, BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi mượn là đất bưng, hoang, nhà nước quản lý, nhà nước không có chủ trương mượn đất của dân thời hạn 15 năm như ông T, bà L trình bày.

Trước đây, một số hộ dân đòi lại đất khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An yêu cầu hủy Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Long An về việc giao đất cho Công ty Phố Đông đầu tư xây dựng nghĩa trang công viên và yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp cho Công ty Phố Đông. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm tại Bản án số 98/2017/HC-ST ngày 23/10/2017, kết quả: Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các hộ dân.

Do đó, ngày 14/01/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND (Quyết định số 132/QĐ-UBND) nội dung bác đơn khiếu nại của ông T và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Đức H đối với ông T là đúng pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện Đức H trình bày:

UBND tỉnh Long An ban hành các quyết định gồm: Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 thu hồi đất của Công ty Mía đường Hiệp Hòa giao UBND huyện Đức H sử dụng xây dựng nghĩa trang nhân dân diện tích 49.974m^2, vị trí đất thuộc một phần các C: 11, 12, 13 và 14; Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 thu hồi đất của Công ty Mía đường Hiệp Hòa và giao UBND huyện Đức H quản lý tạo quỹ đất công diện tích 176.003m^2, sử dụng vào mục đích bồi thường và bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ mục đích công cộng, vị trí đất thuộc 01 phần C11 và phần còn lại là các C13 C14; Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 và Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc điều chỉnh Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 07/11/2016, theo đó, UBND tỉnh thu hồi đất của Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa giao UBND huyện Đức H quản lý diện tích 2.169.432m^2 vị trí đất từ C1 đến C10.

Diện tích đất do ông T, bà L đang lấn chiếm đã được UBND tỉnh Long An chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần SNCD tại Quyết định số 4011/QĐ-

UBND ngày 31/10/ 2018 để thực hiện dự án: Nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông sản nhưng chưa thực hiện các thủ tục và chưa có quyết định giao đất.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa trình bày: Diện tích 2.169.432m^2 thuộc khu C, xã Mỹ thạnh Tây, huyện Đức H do nhà nước thu hồi và đã giao cho đơn vị khác quản lý nên Công ty không còn liên quan trong vụ án hành chính mà Công ty được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2021/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An,

Căn cứ: Các điều 30, 32 và 193 Luật Tố tụng hành chính; Các điều 4, 5, 22, 26, 52 và 204 Luật Đất đai; Các điều 18 và 21 Luật Khiếu nại; Các điều 18, 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T, bà Lê Thị L về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện Đức H và Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

Văn bản số 932/UBND-TNMT ngày 10/8/2018, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2064/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đức H ban hành đúng quy định pháp luật.

Quyết định định giải quyết khiếu nại lần hai số 124/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An ban hành đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2021, ông Ngô Văn T, bà Lê Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T, bà L giữ nguyên kháng cáo và trình bày:

Diện tích 03ha tại ấp Mỹ Lợi được đưa vào tập đoàn sản xuất nhưng ông T, bà Lg vẫn canh tác. Năm 1989, Tập đoàn trưởng Tập đoàn 2 là ông Lê Văn Cướm, cùng với các ông: Phan Văn Phỉ, ông Nguyễn T1 Sơ là Phó Chủ tịch và Chủ tịch UBND xã Mỹ Thạnh Tây, Nguyễn Văn Cậy là Chủ tịch UBND huyện Đức H đã vận động gia đình ông T cho BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi mượn với thời hạn 15 năm. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn mượn thì Nhà nước không trả lại cho ông T, bà L. Năm 2008, ông T khiếu nại đòi lại đất, được ông Phỉ làm giấy xác nhận ngày 14/7/2008, có nội dung khi làm Phó Chủ tịch UBND xã Mỹ Thạnh Tây thì ông Phỉ có mượn đất để giao cho BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi. Tại thời điểm xác nhận năm 2008 thì ông Phỉ đã nghỉ hưu. Tại thời điểm xác nhận năm 2008 thì ông Phỉ đã nghỉ hưu.

Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông T, bà L là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không lấy lời khai của những người trước đó là lãnh đạo UBND xã Mỹ Thạch Tây và những người làm chứng do ông T, bà L cung cấp là vi phạm tố tụng. Khi giải quyết, Tòa án cũng chỉ căn cứ ý kiến của UBND tỉnh Long An tại văn bản ngày 31/12/2020 mà không xem xét các chứng cứ khác là không đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về căn cứ pháp lý, việc mượn đất của gia đình ông T có văn bản xác nhận nên sau khi không còn nhu cầu mượn thì nhà nước phải trả lại cho ông T, bà L.

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông T là không đúng, cụ thể: UBND tỉnh Long An ban hành quyết định giao đất và cấp giấy CNQSDĐ cho Công ty Mía đường Hiệp Hòa. Ông T có đơn đòi lại đất nên thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu là Chủ tịch UBND tỉnh Long An, không phải là của Chủ tịch UBND huyện Đức H.

Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND huyện Đức H trình bày: UBND huyện Đức H không có chủ trương mượn đất của các hộ dân để giao cho BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi. Người khởi kiện cho rằng UBND huyện mượn đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Việc UBND huyện Đức H ban hành Văn bản số 932/UBND-TNMT và Chủ tịch UBND huyện Đức H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông T là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Long An trình bày: Đất giao cho Công ty Mía đường Hiệp Hòa có nguồn gốc do nhà nước quản lý, không phải mượn của các hộ dân. Chủ tịch UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông T là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Diện tích đất giao cho BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi mượn là đất bưng, hoang do nhà nước quản lý. Người khởi kiện cho rằng nhà nước đã mượn phần đất này trong thời hạn 15 năm để giao cho BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi mượn nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi nhà nước không có chủ trương mượn đất.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông T, bà L cũng không cung cấp

chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông T, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Ông T, bà L kháng cáo đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Diện tích 03ha do ông T, bà L khởi kiện nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định chủ trương đầu tư số 4011/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 cho nhà đầu tư là Công ty Cổ phần SNCD, có trụ sở tại: Số 18, đường số 3, Khu dân cư trung T, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An để thực hiện dự án: Nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông sản. Tuy nhiên, UBND Long An chỉ mới có chủ trương, chưa thực hiện việc kê biên, kiểm đếm, chưa có quyết định giao đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần SNCD tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

[3] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án xác định Công ty Mía đường Hiệp Hòa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng Công ty không có ý kiến trình bày. Sau khi xét xử sơ thẩm Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa cũng không kháng cáo. Tại văn bản ngày 18/6/2022 của Công ty Mía đường Hiệp Hòa, có nội dung: Diện tích 2.169.432m^2 thuộc khu C, xã Mỹ thạnh Tây, huyện Đức H do nhà nước thu hồi và đã giao cho đơn vị khác nên Công ty không còn liên quan trong vụ án hành chính mà Công ty được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt Công ty Mía đường Hiệp Hòa.

Về nội dung:

[4] Người khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 932/UBND-TNMT, Quyết định số 2064/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đức H và Quyết định số 124/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Long An. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[5] Xét kháng cáo của ông T, bà L, thấy rằng:

[5.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch UBND huyện Đức H ban hành Văn bản số 932/UBND-TNMT, Quyết định số 2064/QĐ-UBND; Chủ tịch UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền là đúng quy định tại các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[5.2] Về nội dung các quyết định bị khiếu kiện:

[5.2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 06/8/1991, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 720/UB.QĐ.91 tạm giao BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh khu đất 310ha, thời hạn mượn là 15 năm. Ngày 27/9/1993, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 1583/QĐ-UB thu hồi 02 khu đất tổng diện tích 413ha (trong đó có diện tích 310ha của BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi) để giao cho Công ty Mía đường Hiệp Hòa. Ngày 17/5/2001, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UBND về việc cho thuê và cấp giấy CNQSDĐ cho Công ty Mía đường Hiệp Hòa thuê để sử dụng trồng mía (thời hạn 15 năm), diện tích 3.105.417m^2. Sau khi được giao đất, Công ty đã tiến hành đầu tư hệ thống kênh, phân lô, lên liếp, trồng mía. Ngày 30/12/2009, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 3583/QĐ-UBND thu hồi diện tích 17.000m^2 của Công ty Mía đường Hiệp Hòa để giao cho Công ty Phố Đông và ngày 07/07/2011, Công ty Phố Đông được cấp giấy CNQSDĐ.

[5.2.2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2017/HCST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xác định: Năm 1989, UBND huyện Đức H giao cho Công ty Mía đường Hiệp Hòa thuê là đất bưng, hoang do Nhà nước quản lý nên đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND tỉnh Long An về thu hồi đất của Công ty Mía đường Hiệp Hòa để giao đất cho Công ty Phố Đông. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 476/2018/HC-PT, ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: Bác kháng cáo của Công ty Phố Đông, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2017/HC-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Tại thời điểm xét xử phúc thẩm, Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2017/HCST và Bản án hành chính phúc thẩm số 476/2018/HC-PT nêu trên đang có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5.2.3] Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện cung cấp những người làm chứng, trong đó có người nguyên là lãnh đạo huyện ủy, UBND huyện Đức H và UBND xã Mỹ Thạnh Tây. Tuy nhiên, tại các biên bản xác minh của Đoàn xác minh huyện Đức H ngày 17/01/2019 và Biên bản xác minh của Đoàn xác minh tỉnh Long An ngày 06/11/2019, thì các ông Nguyễn Văn Cậy, Lê T1 Sơ và ông Phan Văn Phỉ đều thống nhất xác định: Năm 1991, BQL Công trình thủy nông huyện Củ Chi mượn là đất bưng, hoang, nhà nước quản lý; Nhà nước không có chủ trương mượn đất của dân thời hạn 15 năm.

[5.2.4] Mặc dù, hiện tại gia đình ông T, bà L đang sử dụng 03ha. Tuy nhiên, tại Biên bản thẩm định xem xét tại chỗ ngày 02/4/2021, thể hiện ông T, bà L sử dụng phần đất này từ năm 2010, 2011 là sau khi UBND tỉnh Long An đã giao đất cho BQL Công trình thủy huyện nông huyện Củ Chi, Công ty Mía đường Hiệp Hòa sử dụng theo quy định.

[5.2.5] Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà L cũng không chứng minh được nguồn gốc 03ha đất được cha mẹ cho hợp pháp hoặc được cơ quan có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, cũng không cung cấp được văn bản mượn đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có nội dung mượn 03ha trong thời hạn 15 năm kể từ năm 1989.

[5.2.6] Khi ông T, bà L canh tác đất thì UBND xã Mỹ Thạnh Tây cũng đã lập biên bản yêu cầu dừng việc sử dụng đất nhưng ông T, bà L không chấp hành và vẫn tiếp tục sử dụng đất đến nay, chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định pháp luật.

[6] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L là có căn cứ. Ông T, bà L kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí phúc thẩm, bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 4, Điều 5, Điều 22, Điều 26, Điều 52 và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 và Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2012; Điều 18, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T, bà Lê Thị L.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2021/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T, bà Lê Thị L về việc yêu cầu hủy Văn bản số 932/UBND-TNMT ngày 10/8/2018, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2064/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức H và Quyết định định giải quyết khiếu nại lần hai số 124/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Văn T và bà Lê Thị L tự nguyện. Chịu 1.700.000 đồng và đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm:

Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Lê Thị L.

Ông Ngô Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008623 ngày 09/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, ông T đã nộp đủ.

5.2 Án phí phúc thẩm:

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lê Thị L.

Ông Ngô Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000129 ngày 30/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, ông T đã nộp đủ.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (2) (BĐA)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Đức Phương

Thành viên Hội đồng xét xử		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Văn Tửu	**Lê Thành Long**	**Phan Đức Phương**